

Số: 07/KL-TTr

Hưng Yên, ngày 25 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về công chứng, chứng thực đối với Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Quyết định thanh tra số 03/QĐ-TTr ngày 16/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp về việc thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành về công chứng, chứng thực đối với Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên, thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra từ ngày 07/3/2023 đến hết ngày 03/4/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 19/4/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên. Chánh Thanh tra Sở Tư pháp kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Phòng Công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Phòng Công chứng) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 và Quyết định số 3378/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên.

Phòng Công chứng hiện có 04 biên chế trong đó: có 02 công chứng viên (Phó Trưởng phòng điều hành và 01 công chứng viên), 02 chuyên viên (01 chuyên viên kiêm nhiệm thủ quỹ, văn thư); ký hợp đồng lao động với 02 người trong đó: 01 người làm tạp vụ, 01 người làm công tác kế toán; năm 2023 đơn vị đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho viên chức, mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho 02 công chứng viên và cử công chứng viên tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm đầy đủ theo quy định. Năm 2023, đơn vị không tiếp nhận, hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng đối trường hợp nào

Đơn vị thực hiện tốt việc niêm yết công khai lịch làm việc, các khoản thu phí công chứng, thù lao công chứng, các quy trình, thủ tục công chứng hợp đồng giao dịch theo quy định. Trụ sở làm việc khang trang, rộng rãi tại đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào; có nơi tiếp công dân, nơi làm việc rộng rãi, trang thiết bị và đội ngũ công chứng viên cơ bản đáp ứng yêu cầu công chứng, chứng thực của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; kho lưu trữ hồ sơ rộng rãi; hồ sơ được lưu trữ sạch sẽ, dễ tra cứu, bảo quản khoa học trong từng cặp tài liệu, có ghi đầy đủ thông tin ở bên ngoài về thời gian, số lượng, thuận lợi

cho việc tìm kiếm, tra cứu. Thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu công chứng trên Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu công chứng tỉnh Hưng Yên theo quy định.

Từ 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023, đơn vị đã thực hiện công chứng 2110 hợp đồng, giao dịch; chứng thực 360 số chứng nhận chữ ký trong giấy tờ văn bản, 2502 số chứng thực bản sao từ bản chính.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Đoàn thanh tra thực hiện việc kiểm tra 172 hồ sơ công chứng hợp đồng, giao dịch theo hình thức rút xác xuất, 360 hồ sơ chứng thực chữ ký trong giấy tờ văn bản, tập trung vào các tháng cao điểm giữa và cuối năm 2023, do thời hạn tiến hành thanh tra ngắn, Đoàn thanh tra không thực hiện việc xác minh chỉ kiểm tra trên hồ sơ do Phòng Công chứng cung cấp và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ cung cấp cho Đoàn thanh tra.

1. Về thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng

Đơn vị thực hiện cơ bản tốt các chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; duy trì việc tiếp công dân thường xuyên theo quy định, trong năm 2023 đơn vị không tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào. Tổ chức triển khai, phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và các kế hoạch, chương trình của Sở Tư pháp đầy đủ theo quy định; thực hiện tốt việc báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Tư pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thường xuyên tuyên truyền quán triệt, định kỳ công khai minh bạch về tổ chức và hoạt động tại đơn vị; xây dựng, ban hành Kế hoạch về phòng, chống tham nhũng, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn và kê khai tài sản thu nhập theo quy định, trong năm 2023 đơn vị thực hiện kê khai tài sản thu nhập đối với 02/02 người.

Tuy nhiên, năm 2023 Phòng Công chứng chưa thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên là không thực hiện đúng quy định tại khoản 9 Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.

- Đơn vị giải trình: Do đơn vị không được cấp ngân sách nhà nước, việc thanh toán các khoản chi của đơn vị đều từ nguồn thu phí công chứng, chứng thực do vậy để thuận tiện trong việc thanh toán lương, phụ cấp và các chi phí khác đơn vị thực hiện thanh toán bằng tiền mặt. Người đứng đầu đơn vị nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm, sẽ triển khai ngay việc thanh toán không dùng tiền mặt tại đơn vị trong thời gian tới.

- Việc Phòng Công chứng không thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi thường xuyên (*chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên*) là chưa chấp hành nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng. Đoàn thanh tra yêu cầu đơn vị thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa tham nhũng và triển khai ngay việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi thường xuyên tại đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực

2.1 Việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên

Năm 2023, Phòng Công chứng mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho 02 công chứng viên với mức phí 3 triệu đồng/02 công chứng viên/năm là không đảm bảo mức phí bảo hiểm tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

- Đơn vị giải trình: Đây là do nhầm lẫn trong việc xác định mức phí mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên tại đơn vị. Lãnh đạo đơn vị nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm.

- Việc đơn vị mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho 02 công chứng viên không đảm bảo mức phí quy định là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2020/NĐ-CP*), để đảm bảo các quy định của pháp luật về công chứng được chấp hành nghiêm chỉnh, khách quan vì vậy cần thiết phải xử phạt đơn vị về hành vi vi phạm trên. Yêu cầu, đơn vị rút kinh nghiệm, chấn chỉnh kịp thời và thực hiện nghiêm túc quy định của pháp luật về công chứng.

2.2 Về ghi số trong sổ công chứng hợp đồng, giao dịch

Việc ghi số trong sổ công chứng hợp đồng, giao dịch chưa đảm bảo quy định, ghi số công chứng còn kèm theo chữ cái tại Hợp đồng ủy quyền số 888a là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

Hành vi vi phạm này là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc ghi số trong sổ (*sử dụng số*) như trên không nhiều (*có 01 số*) do đó chưa cần thiết phải xử lý đơn vị về hành vi vi phạm trên. Yêu cầu, đơn vị rút kinh nghiệm, chấn chỉnh kịp thời và thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về công chứng.

2.3 Về trình tự thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch

2.3.1 Về giấy tờ trong hồ sơ

Hồ sơ số 1929: Căn hộ chung cư được chuyển nhượng trong Văn bản chuyển nhượng hợp đồng nằm trong dự án nhà ở xã hội hỗn hợp với nhà ở thương mại, tuy nhiên trong hồ sơ không có các giấy tờ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xác định căn hộ chuyển nhượng là nhà ở thương mại là chưa đảm bảo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 63 Luật Công chứng năm 2014.

- Công chứng viên giải trình: Trong quá trình tiếp nhận, thụ lý hồ sơ yêu cầu công chứng, công chứng viên đã sơ xuất không yêu cầu người yêu cầu công chứng xuất trình danh sách, quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền đối với các căn hộ là nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trong dự án nhà ở hỗn hợp nêu trên, Công chứng viên nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm, cam kết thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công chứng.

- Hành vi vi phạm này là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tuy nhiên đây là do sơ xuất, mặt khác chỉ có 01 hồ sơ có thiếu sót nêu trên, vì vậy xét thấy chưa cần thiết phải xử lý đối với đơn vị và cá nhân về những thiếu sót, vi phạm trên. Yêu cầu công chứng viên nghiêm túc rút kinh nghiệm, thực hiện đúng quy định của pháp luật về công chứng và pháp luật khác có liên quan.

2.3.2 Về lời chứng của công chứng viên:

Hồ sơ số 883, 889, 895, 1062, 1065, 1067, 1068, 1069, 1071, 1074, 1082, 1558, 1566, 1571, 1573, 1577, 1692, 1693, 1699, ...: Người yêu cầu công chứng ký và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng tuy nhiên công chứng viên lại ghi "ký/điểm chỉ" và "chữ ký/dấu điểm chỉ" là chưa phù hợp; hồ sơ số 893, 1066: người yêu cầu công chứng ký và điểm chỉ trong hợp đồng tuy nhiên công chứng viên lại ghi "ký/điểm chỉ", "chữ ký **hoặc** dấu điểm chỉ" là chưa phù hợp, việc người yêu cầu công chứng vừa ký vừa điểm chỉ phải được ghi là "ký và điểm chỉ", "chữ ký và dấu điểm chỉ".

Hồ sơ số 885, 886, 887: Tại đoạn 1 gạch đầu dòng thứ 5 của Giấy ủy quyền công chứng viên chứng nhận bên ủy quyền và bên được ủy quyền thực hiện ký vào Giấy ủy quyền, không thực hiện điểm chỉ nhưng tại đoạn 2 của gạch đầu dòng thứ 5 công chứng viên lại chứng nhận "chữ ký hoặc dấu điểm chỉ" là không phù hợp với thực tế.

Hồ sơ số 890: Tại gạch đầu dòng thứ hai lời chứng ghi là "Tại thời điểm công chứng, các ông/bà có thông tin nêu trên có năng lực hành vi dân sự dân sự theo quy định của pháp luật" là chưa chính xác theo mẫu lời chứng, lời chứng phải được ghi là "Tại thời điểm ký vào giấy ủy quyền này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật", tại gạch đầu dòng thứ 5 thiếu cụm từ "chữ ký trong giấy ủy quyền đúng là chữ ký của các bên nêu trên"; hồ sơ số 892, 1076: tại gạch đầu dòng thứ 5 của lời chứng thiếu cụm từ "chữ ký trong giấy ủy quyền đúng là chữ ký của các bên nêu trên".

Hồ sơ 896, 897, 898: Các bên giao kết hợp đồng vừa ký vừa điểm chỉ vào hợp đồng nhưng tại gạch đầu dòng thứ 2 và đoạn thứ nhất gạch đầu dòng thứ 5 lời chứng công chứng viên chỉ chứng nhận các bên ký vào hợp đồng và ký trước mặt công chứng viên, không xác nhận việc điểm chỉ, tuy nhiên tại đoạn thứ 2 gạch đầu dòng thứ 5 công chứng viên lại chứng nhận “chữ ký và dấu điểm chỉ” là chưa chính xác, chưa phù hợp thực tế quá trình thực hiện công chứng.

Hồ sơ số 1060, 1378, 1383: Người yêu cầu công chứng chỉ ký tên không điểm chỉ trong hợp đồng tuy nhiên công chứng viên lại ghi “ký/điểm chỉ vào Hợp đồng” và “chữ ký/dấu điểm chỉ” là chưa phù hợp, người yêu cầu công chứng chỉ ký tên nên phải ghi là “ký vào Hợp đồng”, “chữ ký trong Hợp đồng”.

Hồ sơ số 1070, 1915: Lời chứng thiếu cụm từ “*Tại thời điểm ký*” nhưng thừa cụm từ “*Tại thời điểm công chứng*”; hồ sơ số 1075: Tại gạch đầu dòng thứ 5 của lời chứng thiếu cụm từ “*chữ ký trong Giấy ủy quyền đúng là chữ ký của các bên nêu trên*”.

Hồ sơ số 894, 1062, 1069, 1074, 1078, 1079, 1080, 1082, 1090, 1558, 1560, 1561, 1576, 1579, 1695, ...: Lời chứng không ghi giấy tờ tùy thân của người đại diện cho tổ chức là bên Ngân hàng.

Hồ sơ số 1374: Bên nhận thế chấp ký trước vào hợp đồng, tại đoạn thứ 2 gạch đầu dòng thứ 5 xác nhận chữ ký người đại diện được đăng ký tại Phòng công chứng, tuy nhiên tại đoạn thứ nhất gạch đầu dòng thứ 5 lời chứng lại ghi ... “ký vào từng trang của hợp đồng thế chấp này trước mặt tôi” là không phù hợp.

Hồ sơ số 1077, 1559: Trong Giấy ủy quyền, Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền đều ký vào Giấy ủy quyền, tuy nhiên tại gạch đầu dòng thứ 5 lời chứng công chứng viên chỉ chứng nhận Bên ủy quyền ký vào Giấy ủy quyền trước mặt công chứng viên mà không chứng nhận Bên được ủy quyền ký; gạch đầu dòng thứ 5 thiếu cụm từ “*chữ ký trong Giấy ủy quyền đúng là chữ ký của các bên nêu trên*”.

Hồ sơ số 1088: Bên thế chấp là Công ty, người đại diện ký và đóng dấu tuy nhiên tại gạch đầu dòng thứ 5 công chứng viên lại chứng nhận Bên thế chấp điểm chỉ là chưa đúng với thực tế; hồ sơ số 1574: người yêu cầu công chứng chỉ ký không điểm chỉ tuy nhiên tại gạch đầu dòng thứ 5 lời chứng, công chứng viên lại xác nhận “Chữ ký hoặc dấu điểm chỉ trong giấy ủy quyền đúng là chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của bên nêu trên” là không phù hợp thực tế; hồ sơ số 1707: lời chứng thiếu cụm từ “*Tại thời điểm ký vào văn bản này*”, tại đoạn 1 dòng thứ 6 của lời chứng chỉ chứng nhận việc ký “*đã ký vào từng trang*” nhưng đoạn thứ 2 lại chứng nhận ký và điểm chỉ “*chữ ký, dấu điểm chỉ của các ông bà*” lời chứng không đồng nhất.

Hồ sơ số 888, 888a: Lời chứng không đúng mẫu quy định dùng cho bên được ủy quyền; hồ sơ số 884, 899, 1077, 1081, 1562: lời chứng thiếu cụm từ “*Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này*”, “*Tại thời điểm ký vào hợp đồng*”

này”, “Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này” nhưng thừa cụm từ “Tại thời điểm công chứng”; hồ sơ số 1567, 1578, 1583, 1694, 1696, 1705, 1706, 1709, 1711, 1713, 1912, 1920, 1921,...: lời chứng không đúng mẫu.

Hồ sơ số 898: Bên chuyển nhượng và ký tên trong Hợp đồng là Phạm Hồng Ánh, tuy nhiên lời chứng lại chứng nhận Bên chuyển nhượng là Phạm Trung Dũng và Phạm Thị Thanh Hương là xác nhận không đúng người tham gia giao dịch; hồ sơ 1083: Bên thế chấp là ông Vũ Duy Lê và vợ là Trần Thị Tý nhưng công chứng viên lại chứng nhận trong lời chứng bên thế chấp là Hộ ông Vũ Duy Lê là chưa chính xác.

Việc công chứng viên ghi lời chứng như trên là chưa đảm bảo quy định tại Điều 46 Luật Công chứng, Mẫu số TP-CC-21, Mẫu số TP-CC-22, Mẫu số TP-CC-24 và ghi chú hướng dẫn cách ghi lời chứng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

- Công chứng viên giải trình: Do công việc nhiều, tất cả các hợp đồng, giao dịch được công chứng viên thực hiện và hoàn thành xong trong ngày do vậy trong quá trình ghi lời chứng công chứng viên đã thiếu rà soát, kiểm tra cẩn thận nên đã để xảy ra các sai sót, vi phạm nêu trên, mặt khác do số lượng công việc nhiều, công chứng viên không có chuyên viên pháp lý giúp việc phải tự mình thực hiện từ khâu tiếp khách hàng đến soạn thảo in ấn nên trong quá trình tác nghiệp không tránh khỏi có những sai sót, hạn chế. Công chứng viên nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm, rà soát khắc phục hoàn thiện.

Vi phạm này là hành vi vi phạm hành chính được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP. Yêu cầu công chứng viên chấn chỉnh kịp thời những sai sót, vi phạm nêu trên; nghiêm túc rút kinh nghiệm, thực hiện nghiêm quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy định chi tiết thi hành về công chứng.

2.3.2 Thiếu sót, hạn chế

Hồ sơ số 1374, 1375, 1376, 1382, 1385, 1386, 1389, 1390, 1391, 1392, 1395, 1396, 1403: Trong lời chứng số lượng bản chính phát hành và số lượng bản chính được lưu tại Phòng công chứng chỉ ghi bằng số mà không ghi bằng chữ.

Hồ sơ số 1387, 1388: Lời chứng ghi thiếu từ chấp "... của **bên thế nêu trên**"; hồ sơ số: 1397, 1398, 1399: Biên bản định giá bỏ trống không ghi ngày.

2.4 Về chứng thực chữ ký trong giấy tờ văn bản

Hồ sơ số 60, 77, 82, 187, 208, 209, 225, 265: Người yêu cầu chứng thực chữ ký chưa ký vào giấy tờ, văn bản cần chứng thực (*Sở yếu lý lịch*) nhưng công chứng viên đã chứng thực với nội dung “” đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi”. Việc thực hiện chứng thực như trên là chưa đảm bảo quy định tại

khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Công chứng viên giải trình: Khi công dân đến yêu cầu chứng thực chữ ký, công chứng viên đã hướng dẫn công dân ký vào các giấy tờ cần chứng thực, tuy nhiên do nhiều việc nên trong quá trình thực hiện chứng thực chữ ký giấy tờ của công dân, công chứng viên chưa kịp thời rà soát, kiểm tra cẩn thận trước khi ghi lời chứng và thực hiện chứng thực nên đã xảy ra các thiếu sót, vi phạm trên. Công chứng viên nhận khuyết điểm, rút kinh nghiệm.

- Hành vi này là vi phạm hành chính được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP. Yêu cầu công chứng viên chấn chỉnh kịp thời những sai sót, vi phạm đã được chỉ ra và nghiêm túc rút kinh nghiệm, thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực.

3. Về hoạt động tài chính

Đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo các quy định của pháp luật về tài chính - kế toán, thực hiện mở đầy đủ các loại sổ hạch toán thu - chi, thiết lập hóa đơn đầy đủ theo quy định như: Sổ quỹ tiền mặt, sổ chi tiết tài khoản tiền gửi ngân hàng, sổ cái, báo cáo tài chính, kê khai và nộp tiền vào Ngân sách nhà nước đầy đủ theo quy định.

Việc thu phí công chứng, chứng thực được thực hiện cơ bản đảm bảo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên; Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 257/2016/TT-BTC và Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành mức trần thù lao công chứng, dịch thuật và chi phí khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

**Về hoạt động thu-chi (năm 2023):*

- **Tổng thu phí công chứng, chứng thực:** 1.410.430.000 đồng.

- **Về thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước:** Nộp 25 % phí thu được vào Ngân sách nhà nước: 352.607.500 đồng.

- **Tổng chi:** 1.057.829.858 đồng, gồm (*chi lương, thu nhập tăng thêm, lễ tết, bảo hiểm, ...*): 733.356.379 đồng; *chi khác (Văn phòng phẩm, đồng phục, vật tư văn phòng, tiếp khách, thuê máy photocopy, ...)*: 324.503.479 đồng.

- **Tồn âm:** (37.358 đồng).

4. Nhận xét

a) Ưu điểm:

- Phòng Công chứng chấp hành cơ bản tốt các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực và các văn bản pháp luật khác có liên quan; thực hiện tốt các quy định về báo cáo thường kỳ, đột xuất khi được yêu cầu; các hợp đồng, giao dịch được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch nhanh chóng, thuận tiện đáp ứng nhu cầu công chứng của tổ chức và cá nhân; có trang thiết bị làm việc đầy đủ; lưu trữ, quản lý hồ sơ công chứng, chứng thực cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Việc quản lý và sử dụng phí công chứng đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên và Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 254/2016/TT-BTC.

b) Khuyết điểm: Bên cạnh những ưu điểm nói trên, đơn vị còn có những sai sót, vi phạm trong triển khai các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên chưa đảm bảo mức phí tối thiểu quy định và các sai sót, vi phạm trong hoạt động nghiệp vụ công chứng, chứng thực.

III. KẾT LUẬN

1. Đối với các vi phạm được nêu tại Mục 1, điểm 2.1, 2.2 Mục 2 Phần II của Kết luận này thuộc trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, người được giao thực hiện nhiệm vụ vào sổ, vào sổ và người làm công tác kế toán của đơn vị.

2. Đối với các vi phạm nêu tại điểm 2.3, điểm 2.4 Mục 2 Phần II của Kết luận này thuộc trách nhiệm của công chứng viên trực tiếp thực hiện việc chứng thực chữ ký và công chứng hợp đồng, giao dịch.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Phòng công chứng số 1

- Về công tác tổ chức: Triển khai thực hiện ngay việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản chi lương, thưởng và chi khác có tính chất thường xuyên tại đơn vị.

- Về hoạt động nghiệp vụ: Tự kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ công chứng, chứng thực của đơn vị đảm bảo theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực và pháp luật có liên quan.

- Về hoạt động tài chính: Tự kiểm tra rà soát hoàn thiện chứng từ sổ sách kế toán đảm bảo quy định pháp luật về tài chính kế toán.

- Tổ chức họp, xác định trách nhiệm cá nhân, có hình thức xử lý phù hợp theo thẩm quyền và báo cáo kết quả về Sở Tư pháp, Thanh tra Sở theo quy định.

- Công khai Kết luận thanh tra theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 79 Luật Thanh tra năm 2020 và điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

- Nghiêm túc thực hiện kiến nghị tại Kết luận này; đối với những nội dung trong kết luận mà chưa thực hiện được ngay thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công khai kết luận thanh tra, Phòng Công chứng phải xây dựng kế hoạch thực hiện kết luận thanh tra; báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Sở Tư pháp, Thanh tra Sở chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

2. Đối với Trưởng đoàn thanh tra

Giao Trưởng đoàn thanh tra tham mưu xây dựng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trình người ra quyết định thanh tra xử phạt đối với Phòng công chứng số 1 về hành vi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp không đảm bảo mức phí tối thiểu cho công chứng viên của tổ chức mình theo quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP.

3. Đối với Thanh tra Sở Tư pháp

Kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra này đối với Phòng Công chứng số 1 vào Quý IV năm 2024 theo quy định tại khoản 3 Điều 105 Luật Thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Tư pháp;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Hội Công chứng viên;
- Phòng Công chứng số 1;
- Thanh tra Sở;
- Cổng thông tin điện tử STP;
- Lưu: VT, HsTTr.

CHÁNH THANH TRA



Trần Tất Đạt

